

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU
Bản án số: 32/2022/HS-PT
Ngày: 05 - 05 - 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Tăng Trần Quỳnh Phương**

Các Thẩm phán:

Ông Trương Thanh Dũng

Bà Châu Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lâm Trần Thanh**- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Triệu Ngọc Nhi**- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 05 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 22/2022/TLPT-HS ngày 17 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Thị Lệ N, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2022/HS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị cáo có kháng cáo: **NGUYỄN THỊ LỆ N**, sinh năm 1981, tại tỉnh Bạc Liêu. Nơi cư trú: Số 055, đường Võ Thị S, Khóm 8, Phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh M, sinh năm 1956 (chết) và bà Trần Thanh H, sinh năm 1959; có chồng là Hứa Kim L (đã ly hôn) và có 02 người con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Hùng Dũng, luật sư Công ty luật TNHH Lê Hoàng, thuộc đoàn luật sư Thành phố Cần Thơ.

- Bị hại không kháng cáo: Bệnh viện đa khoa B. Trụ sở: Số 06, đường Nguyễn H, Phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Vũ L, sinh năm 1972. Văn bản ủy quyền ngày 14/3/2022 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Lệ N là kế toán của Bệnh viện đa khoa Bạc Liêu, được phân công nhiệm vụ trực Quầy thu viện phí tại Tổ thu viện phí của Phòng Tài chính – kế toán Bệnh viện. Lợi dụng việc được phân công thu tạm ứng viện phí, từ ngày 13/6/2018 đến ngày 21/8/2019, bị cáo N đã chiếm đoạt của Bệnh viện đa khoa B tổng số tiền là 450.800.000 đồng bằng các cách thức, cụ thể như sau:

- Cách thứ nhất: Khi thực hiện việc thu tạm ứng viện phí của năm 2018, để chiếm đoạt tiền thu tạm ứng viện phí, N không nhập quyền thu tạm ứng viện phí trên phần mềm thu viện phí của năm thực tế mà mở quyền thu tạm ứng viện phí năm 2017 (Quyền số 12694 – ký hiệu TTN/2017 và quyền số 947 – Ký hiệu BH/2017) để lập phiếu thu vào những ngày ra trực, ngày nghỉ, nhằm mục đích khi in bảng kê nộp cho thủ quỹ sẽ không có thông tin bệnh nhân và số tiền đã nộp tạm ứng đối với các trường hợp lập phiếu thu trên quyền thu tạm ứng năm 2017. Bằng cách thức trên, từ ngày 13/6/2018 đến ngày 30/12/2018, N đã chiếm đoạt tổng số tiền là 153.500.000 đồng. Cụ thể:

Ngày 13/6/2018: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 1.500.000 đồng.

Ngày 14/6/2018: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 1.000.000 đồng.

Ngày 15/6/2018: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 4.500.000 đồng.

Ngày 19/6/2018: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 3.000.000 đồng.

Ngày 23/6/2018: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 3.000.000 đồng.

Ngày 27/6/2018: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 2.000.000 đồng.

Ngày 07/7/2018: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 4.000.000 đồng.

Ngày 22/7/2018: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 4.000.000 đồng.

Ngày 25/7/2018: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 6.000.000 đồng.

Ngày 26/7/2018: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 2.000.000 đồng.

Ngày 29/7/2018: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng.

Ngày 30/7/2018: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 1.000.000 đồng.

Ngày 06/8/2018: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 6.000.000 đồng.

Ngày 09/8/2018: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 2.000.000 đồng.

Ngày 14/8/2018: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 8.000.000 đồng.

Ngày 24/8/2018: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 9.000.000 đồng.

Ngày 31/8/2018: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 1.000.000 đồng.

Ngày 09/9/2018: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng.
 Ngày 21/9/2018: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 2.000.000 đồng.
 Ngày 23/9/2018: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 6.000.000 đồng.
 Ngày 28/9/2018: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng.
 Ngày 05/10/2018: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 1.000.000 đồng.
 Ngày 13/10/2018: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 5.500.000 đồng.
 Ngày 17/10/2018: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 7.000.000 đồng.
 Ngày 29/10/2018: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 6.000.000 đồng.
 Ngày 02/11/2018: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 7.000.000 đồng.
 Ngày 06/11/2018: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 7.000.000 đồng.
 Ngày 19/11/2018: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 2.000.000 đồng.
 Ngày 23/11/2018: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 6.000.000 đồng.
 Ngày 30/11/2018: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 6.000.000 đồng.
 Ngày 05/12/2018: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 6.000.000 đồng.
 Ngày 08/12/2018: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 2.000.000 đồng.
 Ngày 09/12/2018: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 4.000.000 đồng.
 Ngày 15/12/2018: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 9.000.000 đồng.
 Ngày 30/12/2018: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 4.000.000 đồng.

- Cách thứ hai: Tương tự như cách thứ nhất, khi thu tạm ứng viện phí năm 2018, N không lập phiếu thu vào ngày thực tế mà lập phiếu thu vào những ngày bản thân ra trực, nghỉ bù (những ngày N không trực) nhằm mục đích khi in bảng kê nộp cho thủ quỹ sẽ không có thông tin bệnh nhân và số tiền đã nộp tạm ứng đối với các trường hợp lập phiếu thu nêu trên. Bằng cách thức này, từ ngày 07/7/2018 đến ngày 21/8/2019, N đã chiếm đoạt tổng số tiền là 223.000.000 đồng. Cụ thể:

Ngày 07/7/2018: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 1.000.000 đồng.
 Ngày 15/11/2018: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 4.000.000 đồng.
 Ngày 16/11/2018: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 1.000.000 đồng.
 Ngày 03/12/2018: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 2.000.000 đồng.
 Ngày 04/12/2018: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 2.000.000 đồng.
 Ngày 12/01/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 8.000.000 đồng.

Ngày 14/01/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 8.000.000 đồng.
Ngày 18/01/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 3.500.000 đồng.
Ngày 24/01/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng.
Ngày 26/01/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 500.000 đồng.
Ngày 06/02/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 4.000.000 đồng.
Ngày 07/02/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 2.500.000 đồng.
Ngày 08/02/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 1.000.000 đồng.
Ngày 11/02/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 4.000.000 đồng.
Ngày 15/02/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 3.500.000 đồng.
Ngày 16/02/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 1.000.000 đồng.
Ngày 17/02/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 3.000.000 đồng.
Ngày 19/02/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 3.000.000 đồng.
Ngày 21/02/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 3.000.000 đồng.
Ngày 23/02/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 5.500.000 đồng.
Ngày 25/02/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 1.500.000 đồng.
Ngày 01/3/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 4.000.000 đồng.
Ngày 08/3/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 3.000.000 đồng.
Ngày 10/3/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 3.000.000 đồng.
Ngày 15/3/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 3.000.000 đồng.
Ngày 17/3/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 8.000.000 đồng.
Ngày 22/3/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 6.500.000 đồng.
Ngày 25/3/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 500.000 đồng.
Ngày 29/3/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 7.000.000 đồng.
Ngày 14/4/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 3.000.000 đồng.
Ngày 20/4/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 8.000.000 đồng.
Ngày 29/4/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 7.000.000 đồng.
Ngày 01/5/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 3.000.000 đồng.
Ngày 03/5/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 3.000.000 đồng.
Ngày 05/5/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 500.000 đồng.

Ngày 07/5/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 3.000.000 đồng.
 Ngày 11/5/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng.
 Ngày 17/5/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 1.000.000 đồng.
 Ngày 25/5/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 6.000.000 đồng.
 Ngày 08/6/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 10.000.000 đồng.
 Ngày 22/6/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 6.500.000 đồng.
 Ngày 28/6/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 3.000.000 đồng.
 Ngày 05/7/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 1.000.000 đồng.
 Ngày 08/7/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 6.000.000 đồng.
 Ngày 09/7/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 1.000.000 đồng.
 Ngày 11/7/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 1.000.000 đồng.
 Ngày 12/7/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 4.000.000 đồng.
 Ngày 17/7/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 1.500.000 đồng.
 Ngày 19/7/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 3.000.000 đồng.
 Ngày 26/7/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng.
 Ngày 27/7/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 2.000.000 đồng.
 Ngày 28/7/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 3.500.000 đồng.
 Ngày 30/7/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 4.500.000 đồng.
 Ngày 01/8/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 3.500.000 đồng.
 Ngày 02/8/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 3.000.000 đồng.
 Ngày 03/8/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 3.000.000 đồng.
 Ngày 05/8/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 3.000.000 đồng.
 Ngày 07/8/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 2.000.000 đồng.
 Ngày 08/8/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 3.000.000 đồng.
 Ngày 11/8/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 8.000.000 đồng.
 Ngày 16/8/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 1.000.000 đồng.
 Ngày 21/8/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 3.000.000 đồng.

- Cách thứ ba: Theo quy định, khi kết thúc ca trực, các kế toán phải kết sổ, in bảng kê và nộp tiền cho thủ quỹ để đối chiếu. Lợi dụng việc không có người

quản lý trong việc kết sổ và in bảng kê, N kết sổ và in bảng kê trước thời gian quy định, sau đó thu tiền tạm ứng của bệnh nhân nhưng không in bảng kê bổ sung để nộp cho thủ quỹ để chiếm đoạt tiền. Bằng cách thức nêu trên, từ ngày 16/5/2019 đến ngày 13/8/2019, N đã chiếm đoạt tổng số tiền là 74.300.000 đồng. Cụ thể:

Ngày 16/5/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 2.000.000 đồng.
 Ngày 17/5/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 3.000.000 đồng.
 Ngày 18/5/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 1.000.000 đồng.
 Ngày 21/5/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 3.000.000 đồng.
 Ngày 23/5/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 3.500.000 đồng.
 Ngày 13/6/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng.
 Ngày 19/6/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 3.500.000 đồng.
 Ngày 24/6/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 15.000.000 đồng.
 Ngày 25/6/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 2.000.000 đồng.
 Ngày 01/7/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 8.000.000 đồng.
 Ngày 02/7/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 4.000.000 đồng.
 Ngày 09/7/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 3.000.000 đồng.
 Ngày 10/7/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 1.000.000 đồng.
 Ngày 11/7/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 4.000.000 đồng.
 Ngày 12/7/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 500.000 đồng.
 Ngày 15/7/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 4.300.000 đồng.
 Ngày 16/7/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 4.500.000 đồng.
 Ngày 17/7/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 2.000.000 đồng.
 Ngày 18/7/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 2.000.000 đồng.
 Ngày 26/7/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 1.000.000 đồng.
 Ngày 13/8/2019: Bị cáo N chiếm đoạt số tiền 2.000.000 đồng.

Ngày 15/8/2019, ông Mã Tứ T là thành viên Tổ kiểm soát thu viện phí Phòng Tài chính - kế toán tiến hành kiểm tra, kiểm soát công tác thu viện phí giai đoạn 2017-2019 tại Bệnh viện đa khoa B thì phát hiện sự việc trên nên báo cáo với bà Hà Thanh H là Kế toán trưởng – kiêm Trưởng phòng Tài chính kế toán và Ban Giám đốc Bệnh viện đa khoa B. Sau đó, Ban Giám đốc Bệnh viện đa khoa B chỉ đạo tiếp tục theo dõi hoạt động thu tạm ứng viện phí của bị cáo N

nhằm phát hiện phương thức, thủ đoạn hoạt động để tiến hành xử lý. Ngày 20/8/2019, khi xác định chính xác phương thức, thủ đoạn mà bị cáo N thực hiện để chiếm đoạt tiền của Bệnh viện nên quyết định ngừng hoạt động thu viện phí của bị cáo N và điều chuyển về bộ phận kho của phòng Tài chính - kế toán. Ngày 25/11/2019, bị cáo N nộp bản tường trình thừa nhận bị cáo đã chiếm đoạt của Bệnh viện đa khoa B tổng số tiền là 450.800.000 đồng và nộp lại số tiền 100.800.000 đồng cho Bệnh viện, đồng thời cam kết khắc phục toàn bộ số tiền còn lại nhưng đến ngày 20/01/2020, bị cáo N tự ý bỏ việc. Đến ngày 18/02/2020, Bệnh viện đa khoa Bạc Liêu tố giác hành vi của bị cáo N đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2022/HS-ST ngày 04/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Lệ N phạm tội “*Tham ô tài sản*”.
2. Căn cứ điểm c, d khoản 2, khoản 5 Điều 353; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Lệ N 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Cấm bị cáo Nguyễn Thị Lệ N đảm nhiệm công việc kế toán trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, khoản 1 Điều 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Lệ N bồi thường cho Bệnh viện đa khoa Bạc Liêu số tiền 320.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/01/2022 bị cáo Nguyễn Thị Lệ N kháng cáo yêu cầu xem xét lại tổng số tiền buộc bị cáo tham ô và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của bị cáo còn trong thời hạn luật định nên cấp phúc thẩm chấp nhận và đưa ra xét xử là hợp lệ.
- Về nội dung: Sau khi phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, nội dung kháng cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Lệ N, giữ nguyên bản án hình sự sơ

thẩm số 01/2022/HS-ST ngày 04/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày:

Đối với yêu cầu xem xét lại 89 chứng từ của bị cáo: Chỉ có duy nhất lời khai bị cáo xác nhận có chiếm đoạt số tiền này, bị cáo không được trực tiếp xem xét dữ liệu trên máy tính. Chứng cứ gốc, cơ sở buộc tội bị cáo là máy tính – là phương tiện làm việc chung của nhiều người, không phải duy nhất bị cáo sử dụng, những người cùng sử dụng có thể thực hiện việc sửa chữa các dữ liệu. Kết luận giám định không kết luận được file dữ liệu có phải là dữ liệu nguyên thủy hay không. Những lời nhận tội trước đây của bị cáo là chung chung, không phù hợp với 89 chứng từ không có chữ ký của bị cáo. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 98 Bộ luật Tố tụng hình sự lời nhận tội của bị cáo không phải là chứng cứ duy nhất. Do đó, căn cứ Điều 13 Bộ luật Tố tụng hình sự suy đoán vô tội có lợi cho bị cáo.

Đối với yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, đã khắc phục một phần hậu quả, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã bồi thường thêm cho bị hại 40.000.000 đồng.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, chấp nhận kháng cáo của bị cáo xác định bị cáo không chiếm đoạt 89 chứng từ với số tiền 170.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo đúng về thể thức và thời hạn nên được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Lệ N thừa nhận một phần hành vi phạm tội, bị cáo xác định chỉ chiếm đoạt của bệnh viện đa khoa B số tiền 280.300.000 đồng. Đối với 89 chứng từ (với số tiền 170.500.000 đồng) không có chữ ký của bị cáo thì bị cáo không chiếm đoạt số tiền này, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

[2.2] Xét kháng cáo yêu cầu xem xét lại số tiền chiếm đoạt của bị cáo Nguyễn Thị Lệ N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm đã ghi nhận rõ ý kiến bị cáo, bị cáo xác định từ ngày 13/6/2018 đến ngày 21/8/2019, bị cáo đã chiếm đoạt của Bệnh viện đa khoa B tổng số tiền là 450.800.000 đồng. Đồng thời bị cáo cũng xác định đối với 89 chứng từ (với số tiền 170.500.000 đồng) không có chữ ký của bị cáo là do lúc đó bị cáo quên không ký tên, các chứng từ

này đều do bị cáo trực tiếp thu tiền và chiếm đoạt. Lời xác định của bị cáo tại phiên toà sơ thẩm phù hợp với kết quả đối chiếu các tài liệu, chứng từ có liên quan do Bệnh viện đa khoa B cung cấp phù hợp với lời khai của chính bị cáo tại biên bản hỏi cung ngày 09/6/2021 (bút lục 148-149); lời khai của người đại diện theo ủy quyền của bị hại, lời khai của những người làm chứng; Biên bản làm việc tại Bệnh viện đa khoa B ngày 22/11/2019 (bút lục 357-359) và biên bản làm việc tại Viện kiểm sát nhân dân thành phố B ngày 30/12/2021 (bút lục 2593-2624). Đồng thời, phù hợp với các vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có lưu trong hồ sơ vụ án. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu xem xét lại số tiền chiếm đoạt của bị cáo.

Từ cơ sở phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Vì động cơ vụ lợi cá nhân, từ ngày 13/6/2018 đến ngày 21/8/2019, tại Bệnh viện đa khoa B, bị cáo Nguyễn Thị Lệ N đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao làm Kế toán thu viện phí đã nhiều lần dùng thủ đoạn mở quyền thu tạm ứng của năm 2017 trên phần mềm Kế toán để thực hiện thu tiền tạm ứng viện phí của bệnh nhân năm 2018 sau đó không in bảng kê nộp tiền cho thủ quỹ; mở sổ thu tiền tạm ứng viện phí trên phần mềm Kế toán của những ngày mình ra ca trực, ngày nghỉ, ngày nghỉ bù để thu tiền tạm ứng của bệnh nhân nhằm mục đích không in bảng kê và nộp tiền cho thủ quỹ; in bảng kê tạm ứng trước để kết sổ nộp tiền tạm ứng, sau đó thu tạm ứng thêm của những ca bệnh lên nộp sau nhưng không in lại bảng kê tạm ứng phần thu thêm và nộp tiền cho thủ quỹ nhằm chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý với tổng số tiền chiếm đoạt là 450.800.000 đồng. Do đó, án sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thị Lệ N phạm tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[2.3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị Lệ N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của Nhà nước được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước trong công tác đấu tranh bài trừ tham nhũng, gây bất bình trong nhân dân nên cần phải xử lý nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mới đủ cải tạo ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo và cũng để răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả thêm số tiền 40.000.000 đồng, tuy nhiên tổng số tiền bị cáo còn phải bồi thường chiếm tỉ lệ cao (62,11%). Khi quyết định hình phạt cho bị cáo, cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng và xử phạt bị cáo 07 năm tù, ở mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, đề nghị của vị luật sư mà cần giữ nguyên án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[2.4] Về trách nhiệm dân sự: Giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả 40.000.000 đồng, đối trừ số tiền còn phải bồi thường thì bị cáo N phải tiếp tục bồi thường cho Bệnh viện đa khoa B số tiền 280.000.000 đồng.

Bệnh viện đa khoa B được quyền đến cơ quan thi hành án dân sự thành phố B nhận số tiền 40.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002908 ngày 07/04/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

[3] Về án phí:

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp khắc phục thêm số tiền 40.000.000 đồng, số tiền bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho bệnh viện đa khoa B là 280.000.000 đồng. Do đó, số tiền án phí dân sự sơ thẩm của bị cáo sẽ giảm, Hội đồng xét xử điều chỉnh lại cho phù hợp. Bị cáo N phải chịu 14.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[4] Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2022/HS-ST ngày 04/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Lệ N, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2022/HS-ST ngày 04/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Lệ N phạm tội “Tham ô tài sản”

3. Căn cứ điểm c, d khoản 2, khoản 5 Điều 353; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

4. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Lệ N 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

5. Cấm bị cáo Nguyễn Thị Lệ N đảm nhiệm công việc kế toán trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

6. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, khoản 1 Điều 586, 589 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Lệ N tiếp tục bồi thường cho Bệnh viện đa khoa B số tiền 280.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Bệnh viện đa khoa B được quyền đến cơ quan thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu nhận số tiền 40.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002908 ngày 07/04/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về án phí: Căn cứ các điều 135; 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm c khoản 1; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị Lệ N phải nộp 200.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bị cáo Nguyễn Thị Lệ N phải nộp 14.000.000 đồng.

8. Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2022/HS-ST ngày 04/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- VKSND TP. B (01 bản);
- TAND TP. B (02 bản);
- CQĐT TP. B (01 bản);
- Chi cục THADS TP. B (01 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu (1 bản);
- Bị cáo (01 bản);
- Bị hại (01 bản);
- Luật sư (01 bản);
- Lưu: HS, THS, THCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

